

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST
Ngày 14-7-2025
V/v Tranh chấp ly hôn và vay nợ chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Chung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nông Văn Thắng

Ông Trần Đức Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Trường – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nông Đức Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân (huyện Đình Lập cũ) nay là Chi nhánh Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2025/TLST- HNGĐ, ngày 23 tháng 01 năm 2025 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Mã Thị L, sinh ngày 02 tháng 02 năm 1972; số định danh cá nhân: 020172000655; địa chỉ: Khu F, (thị trấn Đ, huyện Đ cũ) nay là xã Đ, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đặng Văn T, sinh ngày 29 tháng 5 năm 1971; số định danh cá nhân: 020071000587; địa chỉ: Khu F, (thị trấn Đ, huyện Đ cũ) nay là xã Đ, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng N. Địa chỉ: Số B L, phường T, quận B cũ nay là phường G, Thành Phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Tổng Giám đốc Ngân hàng N. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Việt C - Giám đốc Ngân hàng N Chi nhánh K, tỉnh Lạng Sơn (theo Quyết định số: 2665/QĐ-NHNo-PC, ngày 01/12/2022). Người được ủy quyền lại: Ông Hoàng Xuân V1 – Phó Giám đốc Ngân hàng N Chi nhánh K, tỉnh Lạng Sơn (theo văn bản ủy quyền số: 216/QĐ-NHNo-PC.ĐL, ngày 01/10/2023), vắng mặt.

2. Ngân hàng C2. Địa chỉ trụ sở chính: Số A, phố L, phường H, quận H cũ, nay là phường H, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T1 - Tổng Giám đốc Ngân hàng C2. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc B - Giám đốc Phòng C2, tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ: Khu H, (thị trấn Đ, huyện Đ cũ) nay là xã Đ, tỉnh Lạng Sơn. Ủy quyền cho ông Lương Cao C1 – Phó Giám đốc Phòng C2, tỉnh Lạng Sơn (theo Văn bản ủy quyền số 58/QĐ-NHCS, ngày 10/6/2024), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Mã Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Mã Thị L và ông Đặng Văn T đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 01 năm 1998 tại Ủy ban nhân dân (thị trấn Đ, huyện Đ cũ) nay là xã Đ, tỉnh Lạng Sơn. Trước khi kết hôn vợ chồng bà Mã Thị L không được tự do tìm hiểu nhau nhưng việc kết hôn là tự nguyện, không ai ép buộc, lừa dối. Sau khi kết hôn cuộc sống chung của vợ chồng bình thường, năm 1992 khi bà Mã Thị L sinh con đầu lòng thì vợ chồng bà Mã Thị L bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Đặng Văn T thường xuyên uống rượu say về chửi, đánh bà Mã Thị L, bà Mã Thị L có gọi hai bên gia đình đến khuyên bảo nhưng ông Đặng Văn T2 không chịu thay đổi vẫn thường xuyên uống rượu và chửi, đánh bà Mã Thị L. Đến năm 2012 mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, ông Đặng Văn T chửi, đánh bà Mã Thị L, bà Mã Thị L đã gọi các con đến để khuyên bảo nhưng ông Đặng Văn T2 không thay đổi, từ năm 2015 đến nay, hai vợ chồng vẫn ở cùng nhà nhưng bà Mã Thị L không còn có quan hệ tình cảm vợ chồng với ông Đặng Văn T. Nay bà Mã Thị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà Mã Thị L không thể hòa hợp chung sống với ông Đặng Văn T được, yêu cầu Tòa án án giải quyết cho bà Mã Thị L được ly hôn với ông Đặng Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung tên là Đặng Ngọc T3, sinh năm 1992; Đặng Ngọc T4, sinh năm 1998 và Đặng Ngọc T5, sinh năm 1999, các con hiện nay đều đã trưởng thành, khi ly hôn bà Mã Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Có 01 ngôi nhà cấp 4, diện tích 48m², xây năm 2008, đất ở và đất liền kề tổng diện tích 547m² (bà Mã Thị L không biết số thửa đất, tờ bản đồ) tại địa chỉ: Khu F, (thị trấn Đ, huyện Đ cũ) nay là xã Đ, tỉnh Lạng Sơn; 1.200m² đất trồng cây lâu năm (bà Mã Thị L không biết số thửa đất, tờ bản đồ) tại địa chỉ: Khu F, (thị trấn Đ, huyện Đ cũ) nay là xã Đ, tỉnh Lạng Sơn; Đất rừng sản xuất do Công ty L1 trả lại chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 04ha thuộc lô 44, khoảnh 48, tờ bản đồ giao đất lâm số 10 của thị trấn Đ (nay là xã Đ) tại địa chỉ: Khu F, (thị trấn Đ, huyện Đ cũ) nay là xã Đ, tỉnh Lạng Sơn. Các loại tài sản trên do hai vợ chồng tự thỏa thuận chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các khoản nợ chung, cho vay chung: Vợ chồng vay nợ Ngân hàng N - Chi nhánh K, tỉnh Lạng Sơn số tiền là 200.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 8406LAV202300656, ngày 23/8/2023 và vay nợ Ngân hàng C2 - Phòng C2, tỉnh Lạng Sơn số tiền là 150.000.000 đồng (vay từ ngày 21/6/2021 là 100.000.000 đồng, vay từ ngày 22/11/2024 là 50.000.000 đồng). Khi ly hôn bà Mã Thị L đồng ý với Ngân hàng N yêu cầu bà Mã Thị L và ông Đặng Văn T cùng chịu trách nhiệm trả toàn bộ số nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng N - Chi nhánh khu vực Đ, tỉnh Lạng Sơn; bà Mã Thị L tự nguyện chịu trách nhiệm trả toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng C2 - Phòng C2 khu vực Đ, tỉnh Lạng Sơn.

Bị đơn ông Đặng Văn T trình bày tại biên bản lấy lời khai: Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Văn T chung sống với bà Mã Thị L từ năm 1991, đến năm 1998 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ cũ nay là xã Đ, trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu, việc kết hôn là tự nguyện không ai lừa dối ép buộc. Trước và sau khi kết hôn cuộc sống của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, đôi lúc vợ chồng có cãi nhau nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhất trong gia đình. Từ năm 2015 vợ chồng không còn ngủ chung với nhau nhưng vẫn sống chung một nhà. Bà Mã Thị L yêu cầu ly hôn ông không đồng ý và mong bà Mã Thị L về đoàn tụ gia đình. Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung tên là Đặng Ngọc T3, sinh năm 1992; Đặng Ngọc T4, sinh năm 1998 và Đặng Ngọc T5, sinh năm 1999, các con hiện nay đều đã trưởng thành, ông không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung ông không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung trường hợp phải ly hôn ông Đặng Văn T đồng ý cùng với bà Mã Thị L chịu trách nhiệm trả toàn bộ số nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng N - Chi nhánh K, tỉnh Lạng Sơn. Đối với các khoản nợ Ngân hàng Chính sách xã hội, bà Mã Thị L tự nguyện chịu trách nhiệm trả toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng C2 - Phòng C2 khu vực Đ, tỉnh Lạng Sơn, được Ngân hàng chấp thuận, ông Đặng Văn T cũng đồng ý cho bà Mã Thị L tự chịu trách nhiệm trả toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng N trình bày ý kiến tại Công văn số 31/TB-NHN_o-ĐL, ngày 05/2/2025 như sau: Theo Hợp đồng tín dụng số 8406LAV202300656, ngày 23/8/2023 bà Mã Thị L với ông Đặng Văn T vay Ngân hàng N số tiền là 200.000.000 đồng dùng vào mục đích chung của gia đình; thời hạn vay hạn mức 36 tháng; thời hạn giải ngân theo giấy nhận nợ 12 tháng. Đến ngày 05/02/2025 dư nợ gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh chưa tính cụ thể. Ngân hàng xác định khoản nợ dùng vào mục đích chung của gia đình, tại thời điểm Ngân hàng cho vay đứng tên hai vợ chồng cùng ký trong hợp đồng tín dụng. Việc bà Mã Thị L trình bày khi ly hôn tự chịu trách nhiệm trả nợ 200.000.000 đồng cho Ngân hàng là ý kiến riêng của bà Mã Thị L. Ngân hàng xác định đây là khoản vay chung, vì vậy cả hai vợ chồng là bà Mã Thị L và ông Đặng Văn T đều phải có trách nhiệm trả hết nợ cho Ngân hàng.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng C2, trình bày ý kiến tại Công văn số 10/CV-NHCS, ngày 31/01/2025 như sau: Ngân hàng C2 - Phòng C2, tỉnh Lạng Sơn đồng ý với yêu cầu của bà Mã Thị L là sau khi ly hôn bà Mã Thị L tự có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng C2 - Phòng C2, tỉnh Lạng Sơn theo đúng các Khế ước đã ký kết với Ngân hàng. Sau khi có quyết định của Tòa án, Phòng C2 khu vực Đ, tỉnh Lạng Sơn sẽ chịu trách nhiệm hướng dẫn người vay làm thủ tục nhận nợ theo quy định.

Biên bản xác minh ngày 25/3/2025 tại khu F, thị trấn Đ cũ nay là xã Đ xác định: Ông Đặng Văn T và bà Mã Thị L chung sống với nhau tại khu F, thị trấn Đ cũ nay là xã Đ, tỉnh Lạng Sơn cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, chưa thấy có đơn từ hay phản ánh gì đến khu về mâu thuẫn vợ chồng. Qua nắm bắt thông tin của người dân trong khu thì khoảng 10 năm nay vợ chồng bà Mã Thị L với ông Đặng Văn T không còn ngủ chung với nhau, đôi khi vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng có 03 người con chung tên là Đặng Ngọc T3, sinh năm 1992; Đặng Ngọc T4, sinh năm 1998 và Đặng Ngọc T5, sinh năm 1999 đều đã trưởng thành.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục, tiến hành thu thập chứng cứ, hướng dẫn đương sự viết tự khai, lấy lời khai nguyên đơn, bị đơn theo quy định, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đúng theo quy định. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Viện kiểm sát không có đề nghị, kiến nghị gì.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân, xử cho bà Mã Thị L ly hôn ông Đặng Văn T; về con chung và tài sản chung bà Mã Thị L với ông Đặng Văn T đều không yêu cầu giải quyết; về vay nợ chung bà Mã Thị L và ông Đặng Văn T cùng có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N theo Hợp đồng tín dụng số 8406LAV202300656, ngày 23/8/2023 với số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và lãi phát sinh cho đến khi tất toán xong hợp đồng tín dụng. Bà Mã Thị L tự nguyện chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng C2 theo Khế ước số: 6600000729819802, vay ngày 22/11/2024, số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng và lãi phát sinh; theo Khế ước vay

số 6600000720872009 ngày 21/6/2021, số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và lãi phát sinh (vay tại Phòng C2 khu vực Đ, tỉnh Lạng Sơn); về án phí nguyên đơn bà Mã Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn và vay nợ chung, bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu F, (thị trấn Đ, huyện Đ cũ) nay là xã Đ, tỉnh Lạng Sơn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đình Lập cũ nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 – Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án ông Đặng Văn T không có mặt theo yêu cầu của Tòa án nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về quan hệ hôn nhân, xét thấy bà Mã Thị L và ông Đặng Văn T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (thị trấn Đ, huyện Đ cũ) nay là xã Đ, tỉnh Lạng Sơn, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01, ngày 16/01/1998 của Ủy ban nhân dân (thị trấn Đ, huyện Đ cũ) nay là xã Đ, tỉnh Lạng Sơn, việc kết hôn là tự nguyện không ai bị ép buộc, lừa dối nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2015 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng như bà Mã Thị L và ông Đặng Văn T đều thừa nhận là không còn quan tâm đến nhau, bà Mã Thị L cho rằng nguyên nhân do ông Đặng Văn T thường uống rượu say hay đánh chửi bà Mã Thị L, vợ chồng tuy sống chung một nhà nhưng không quan tâm đến nhau, không còn tình cảm vợ chồng từ năm 2015 cho đến nay. Bà Mã Thị L yêu cầu được ly hôn, ông Đặng Văn T không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được luận cứ để bảo vệ cho quan điểm của ông Đặng Văn T. Hội đồng xét xử thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Mã Thị L và ông Đặng Văn T đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Mã Thị L.

[4] Về con chung, bà Mã Thị L và ông Đặng Văn T có 03 người con chung là Đặng Ngọc T3, sinh năm 1992; Đặng Ngọc T4, sinh năm 1998 và Đặng Ngọc T5, sinh năm 1999 đều đã trưởng thành các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà Mã Thị L và ông Đặng Văn T xác định có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Vay nợ chung: Đối với khoản vay Ngân hàng N theo Hợp đồng tín dụng số 8406LAV202300656, ngày 23/8/2023, bà Mã Thị L và ông Đặng Văn T cùng đứng tên hai vợ chồng cùng ký trong hợp đồng tín dụng và cùng đồng ý trả nợ nên phải cùng có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N theo Hợp đồng tín dụng số 8406LAV202300656, ngày 23/8/2023 với số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và lãi phát sinh cho đến khi tất toán xong hợp đồng tín dụng, trường hợp đến hết thời hạn trả nợ mà bà Mã Thị L và ông Đặng Văn T không trả được hết nợ theo hợp đồng thì Ngân hàng có quyền khởi kiện bằng vụ án khác. Đối với các khoản vay Ngân hàng Chính sách xã hội bà Mã Thị L đứng tên đại diện hộ gia đình vay nhưng bà Mã Thị L tự nguyện chịu toàn bộ trách nhiệm trả cho Ngân hàng C2, theo Khế ước số: 6600000729819802, vay ngày 22/11/2024, số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng và lãi phát sinh; theo Khế vay số 6600000720872009 ngày 21/6/2021, số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và lãi phát sinh (vay tại Phòng C2 khu vực Đ, tỉnh Lạng Sơn), Ngân hàng C2 và ông Đặng Văn T cũng đồng ý cho bà Mã Thị L tự chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng nên Hội đồng xét xử xác định bà Mã Thị L tự nguyện chịu trách nhiệm trả tiền nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng C2, trường hợp đến hết thời hạn trả nợ mà bà Mã Thị L không trả được hết nợ theo hợp đồng thì Ngân hàng có quyền khởi kiện bằng vụ án khác

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn bà Mã Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về giải quyết vụ án, về điều luật áp dụng và các vấn đề khác là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Mã Thị L ly hôn ông Đặng Văn T (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01, ngày 16/01/1998 của Ủy ban nhân dân (thị trấn Đ, huyện Đ cũ) nay là xã Đ, tỉnh Lạng Sơn).

2. Về con chung: Không giải quyết do các con đều đã trưởng thành và các đương sự không yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

4. Về vay nợ chung:

Bà Mã Thị L và ông Đặng Văn T cùng có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng N theo Hợp đồng tín dụng số 8406LAV202300656, ngày 23/8/2023 cho đến khi tất toán xong hợp đồng tín dụng. Trường hợp đến hết thời hạn trả nợ mà bà Mã Thị L và ông Đặng Văn T không trả được hết nợ theo hợp đồng thì Ngân hàng có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

Xác định bà Mã Thị L tự nguyện chịu trách nhiệm trả toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng Chính sách xã hội theo các Khế ước: Khế ước số: 6600000729819802, vay ngày 22/11/2024 và Khếvay số 6600000720872009 ngày 21/6/2021 (vay tại Phòng C2 khu vực Đ, tỉnh Lạng Sơn). Trường hợp đến hết thời hạn trả nợ mà bà Mã Thị L không trả được hết nợ theo hợp đồng thì Ngân hàng có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

5. Về án phí: Bà Mã Thị L phải chịu số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước. Xác nhận bà Mã Thị L đã nộp đủ án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23, số 0002881, ngày 21/01/2025, tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn (nay chuyển về tài khoản Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn).

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 5 – Lạng Sơn;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- UBND xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Công Chung